

Số: 699/QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BNNMT ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

*Xét báo cáo ngày 16/5/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT cho 06 sản phẩm của Công ty TNHH Thương Mại-Dịch Vụ-Sản Xuất Ngọc Trai, địa chỉ tại: Số 406, Đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận Công ty TNHH Thương Mại-Dịch Vụ-Sản Xuất Ngọc Trai được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Thương Mại-Dịch Vụ-Sản Xuất Ngọc Trai, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc TT (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh Khánh Hòa;
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
 (Kèm theo Quyết định số 699 /QĐ-TTKN ngày 23 tháng 5 năm 2025
 của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp thử
1	LANSY-Shrimp ZM (HQ.25.02029)/	BNNPTNT2 9250034354	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,61	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	FRIPPAK Fresh #2 CD (HQ.25.02030)/			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,66	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,7	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	NRD 3/5 (AS) (NRD 3/5 (HQ.25.02031)/			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,58	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp thử
4	NRD G8 (HQ.25.02032)/	BNNPTNT2 9250034354	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,38	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	1,0	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	NRD G12 (HQ.25.02033)/			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,57	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	NRD 5/8 (AS) (HQ.25.02034)/			Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,63	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH - Không phát hiện.